

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày 09 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu và bà Lê Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 18/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Kiện đòi tài sản (Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-ST ngày 03/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-DS ngày 30/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Khương Thị H**, sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

*** Bị đơn:** 1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Đăng C**, sinh năm 1993. (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

3. Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1996. (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị **Trần Thị M1**, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Khương Thị H** trình bày:

Vào các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022; ngày 05/11/2022 bà có cho ông **Nguyễn Đăng C1**, sinh năm 1969 có địa chỉ tại **xóm G, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** vay tổng số tiền 240.000.000 đồng để phục vụ việc gia đình của ông **C1**. Khi vay ông **C1** tự viết giấy biên nhận vay tiền và ký vào mục người vay tiền. Bà đã giao đủ số tiền vay trên cho ông **C1**, toàn bộ số tiền bà cho ông **C1** vay là tiền của cá nhân bà, không liên quan gì đến chồng, con bà. Trên giấy biên nhận không thể hiện ngày nào trả nợ nhưng thực tế ông **C1** nói miệng khi nào bà cần thì báo trước cho ông **C1**. Về lãi suất bà và ông **C1** có thỏa thuận lãi suất và ghi vào giấy biên nhận tiền là 1%/tháng. Ngày 01/12/2022 ông **C1** chết. Bố mẹ ông **C1** đều đã chết trước ông **C1**, vợ và các con của ông **C1** gồm có: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973; Anh **Nguyễn Đăng C**, sinh năm 1993, cùng địa chỉ tại **thôn Đ, xã Đ, huyện T**; Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1996 lấy chồng địa chỉ tại **thôn L, xã T, huyện T**.

Tài sản ông **C1** để lại gồm có: 01 thửa đất số 23, tờ bản đồ 5, diện tích 210m² tại **thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**, trên thửa đất có 01 ngôi nhà 3 tầng và các công trình phụ mang tên hộ ông **C1**. Trong khối tài sản trên ông **C1** có 01 phần tài sản đủ để trả nợ cho khoản vay của ông **C1**.

Đối với diện tích đất nông nghiệp, diện tích đất được bồi thường khi thu hồi đất, tiền bảo hiểm nhân thọ, các tài sản trong gia đình như xe máy, điều hòa.... theo như bà khai tại đơn khởi kiện thì đến nay bà không yêu cầu xem xét.

Do vậy, bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Đăng C** và chị **Nguyễn Thị M** là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất hiện đang quản lý di sản của ông **C1** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông **Nguyễn Đăng C1** để lại với số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/ tháng; thời gian từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/8/2023 là 02 tháng, số tiền là 4.800.000 đồng, tổng số: 244.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án về lãi suất: Bà xin rút yêu cầu về lãi suất yêu cầu bị đơn phải trả 4.800.000 đồng tiền lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

* Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà **Nguyễn Thị L** trình bày:

Bà là vợ của ông **Nguyễn Đăng C1**, ông **C1** đã chết ngày 01/12/2022 không để lại di chúc. Bố mẹ đẻ ông **C1** là cụ **Nguyễn Đăng V** và cụ **Đào Thị L1** đều chết trước ông **C1**, còn thời điểm chết cụ thể thì bà không nhớ. Bà và ông **C1** có 02 con chung là anh **Nguyễn Đăng C**, sinh năm 1993 và chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1996. Bố mẹ ông **C1** đã chết trước ông **C1** từ lâu. Hiện tại bà và anh **C** đang ở trên nhà đất của hộ gia đình bà là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m² tại **thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** do ông **C1** là chủ hộ, còn chị **M**

đi lấy chồng và ở nhà chồng tại xã T. Bà không biết việc ông C1 vay tiền của bà H, bà cũng không lần nào nghe ông C1 nói về việc vay tiền này và bà H cũng không lần nào đến nhà bà đòi tiền ông C1 vay. Đến khi ông C1 chết thì bà H mới đến gia đình bà đòi tiền ông C1 vay. Đối với Giấy biên nhận nợ giữa ông C1 và bà H thì do ông C1 đã chết nên bà không xác định được có phải chữ ký, chữ viết của ông C1 hay không. Đến nay, người thừa kế thứ nhất của ông C1 chỉ có bà, anh C, chị M, không còn ai khác.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà cùng các con thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trả cho bà H số tiền 240.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất thì bà không đồng ý.

Gia đình bà có đất nông nghiệp tuy nhiên đã bị thu hồi làm các dự án hết, không còn đất nông nghiệp. Đối với chi phí cho việc bảo quản di sản, tiền bồi thường thiệt hại không có. Ông C1 không tham gia bảo hiểm nhân thọ.

Gia đình bà được cấp 69,4m² đất dân cư dịch vụ nhưng đến nay gia đình bà chưa được bốc số lô, số thửa và nhận đất tuy nhiên đã bán cho người khác từ năm 2019, không còn đất dân cư dịch vụ. Gia đình bà không còn tài sản nào khác.

Đối với các tài sản trong gia đình như xe máy, điều hòa... mà phía nguyên đơn khai tại đơn khởi kiện thì là tài sản do vợ chồng anh C, chị M1 mua sắm, không phải tài sản của ông C1.

Bà và gia đình lo ma cho ông C1 hết hơn 100.000.000 đồng, sau khi trừ tiền phúng, viếng gia đình còn phải nợ khoảng 30.000.000 đồng, ngoài số tiền trên đến nay bà chưa phải trả nợ cho ông C1 đồng nào. Ngoài ra, đến nay cũng có một vài người cho ông C1 vay tiền có đến gia đình đòi tiền, còn ông C1 có vay tiền hay không thì bà không nắm được.

Do bà bị huyết áp cao, sức khỏe không đảm bảo không thể tham gia xét xử nên đề nghị xét xử vắng mặt.

* Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đăng C trình bày:

Anh là con đẻ của ông Nguyễn Đăng C1 và bà Nguyễn Thị L. Việc bố anh vay của bà H số tiền 240.000.000 đồng thì anh và gia đình không biết việc bố anh vay sử dụng tiền vào việc gì. Bố anh chết ngày 01/12/2022 không để lại di chúc. Gia đình anh hiện đang quản lý, sử dụng 01 thửa đất số 23, tờ bản đồ 5, diện tích 210m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, trên thửa đất có 01 ngôi nhà 3 tầng và các công trình phụ mang tên hộ ông C1. Thửa đất số 23, tờ bản đồ 5, diện tích 210m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Đăng C1 năm 2001 gồm có các thành viên: Ông Nguyễn Đăng C1, bà Nguyễn Thị L, anh

(Nguyễn Đăng C) và chị Nguyễn Thị M. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 3 tầng do cả gia đình xây dựng năm 2015.

Nay bà H yêu cầu mẹ con anh phải trả số tiền 240.000.000 đồng mà bố anh vay của bà H thì anh không đồng ý trả, do anh và gia đình không biết bố anh vay số tiền này, cũng không biết số tiền bố anh vay sử dụng vào việc gì, anh và gia đình không được sử dụng số tiền này. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện anh đang bị tạm giam không thể tham gia xét xử nên đề nghị xét xử vắng mặt anh.

* Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Minh b:

Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đăng C1, ông C1 đã chết ngày 01/12/2022 không để lại di chúc. Bố mẹ chị có 02 con chung là anh Nguyễn Đăng C, sinh năm 1993 và chị (Nguyễn Thị M), sinh năm 1996. Năm 2020, chị lấy chồng và về gia đình nhà chồng tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Hiện tại chị có bà L và gia đình anh C đang ở trên nhà đất của hộ gia đình chị là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh do ông C1 là chủ hộ. Chị không biết việc ông C1 có vay tiền của bà H, chị cũng không lần nào nghe ông C1 nói về việc vay tiền và bà H cũng không lần nào đến nhà chị đòi tiền. Đến khi ông C1 chết thì bà H mới đến gia đình chị đòi tiền. Đối với Giấy biên nhận nợ giữa ông C1 và bà H thì do ông C1 đã chết nên chị không xác định được có phải chữ ký, chữ viết của ông C1 hay không. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chị cùng bà L, anh C1 thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trả cho bà H số tiền 240.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất thì chị không đồng ý.

Còn đối với đất nông nghiệp của bố mẹ chị đã bị thu hồi làm các dự án hết, không còn đất nông nghiệp. Đối với chi phí cho việc bảo quản di sản, tiền bồi thường thiệt hại không có. Ông C1 không tham gia bảo hiểm nhân thọ.

Gia đình chị được cấp 69,4 m² đất dân cư dịch vụ tuy nhiên gia đình đã bán năm 2019. Đến nay đất dân cư dịch vụ gia đình chưa được bốc số lô, số thửa và chưa nhận đất tuy nhiên đã bán từ lâu.

Đối với các tài sản trong gia đình như xe máy, điều hòa... mà phía nguyên đơn khai tại đơn khởi kiện thì là tài sản do vợ chồng anh C, chị M1 mua sắm, không phải tài sản của ông C1.

Gia đình chị lo ma cho ông C1 hết hơn 100.000.000 đồng, sau khi trừ tiền phúng, viếng gia đình còn phải nợ khoảng 30.000.000 đồng, ngoài số tiền trên đến nay gia đình chưa phải trả nợ cho ông C1 đồng nào. Ngoài ra, đến nay cũng có một vài người cho ông C1 vay tiền có đến gia đình đòi tiền, còn ông C1 có vay tiền hay không thì chị không nắm được.

Do chị công việc bận không thể tham gia xét xử nên đề nghị xét xử vắng mặt.

* Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **Trần Thị M1** trình bày:

Chị kết hôn với anh **Nguyễn Đăng C** vào tháng 9 năm 2015, sau khi kết hôn chị về chung sống tại gia đình nhà anh **C** tại **xóm G, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Gia đình chị chung sống trên thửa đất số 23, trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng xây dựng từ năm 2015, khi chị về chung sống ngôi nhà đã được hoàn thiện xong phần thô, sau đó chị có đóng góp hoàn thiện ngôi nhà là tiền mọi người mừng đám cưới cho chị hơn 100.000.000 đồng. Ngôi nhà do cả gia đình góp tiền xây dựng. Về đất nông nghiệp và đất dân cư dịch vụ của gia đình anh **C** thì chị không biết.

Nay bà **H** yêu cầu gia đình chị phải trả số tiền vay 240.000.000 đồng chị không đồng ý, do gia đình không biết ông **C1** vay số tiền này, cũng không biết số tiền ông **C1** vay sử dụng vào việc gì, chị và gia đình không được sử dụng số tiền này, cũng không biết ông **C1** trả chưa, tuy nhiên gia đình không có văn bản gì liên quan đến việc ông **C1** đã trả số tiền trên cho bà **H**.

Do chị công việc bận không thể tham gia xét xử nên đề nghị xét xử vắng mặt.

* Quá trình xác minh, làm việc với bà **Nguyễn Thị D** là Phó chủ tịch **xã Đ** và ông **Lê Minh T** là cán bộ địa chính **xã Đ** cung cấp: Hộ ông **C1** là chủ sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m² tại **xóm G, thôn Đ, xã Đ, huyện T** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 mang tên hộ ông **C1**. Ngoài ra trên địa bàn ông **C1** không còn thửa đất nào khác. Theo hồ sơ lưu trữ tại **UBND xã Đ** đến thời điểm hiện tại thì thửa đất của hộ ông **C1** chưa chuyển nhượng cho ai. Hiện tại gia đình ông **C1** không còn sở hữu đất nông nghiệp do đã thu hồi vào các dự án. Gia đình ông **C1** được cấp 69,4m² đất dân cư dịch vụ tuy nhiên chưa được **UBND huyện T** phê duyệt, gia đình chưa được ghép phiếu nhận lô đất.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217 và khoản 2, điều 244 BLTTDS; căn cứ Điều 288, 463, 466, 612, 613, 614, 615, 650, 651, 658 BLDS năm 2015; Điều 97, 100, 143 Luật đất đai; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Khương Thị H** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Đăng C**, chị **Nguyễn Thị M** phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà **Khương Thị H** số tiền 240.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản ông **Nguyễn Đăng C1** đã chết để lại.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả 4.800.000 đồng tiền lãi.

+ Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định và định giá tài sản, chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà **Khương Thị H** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Đăng C** và chị **Nguyễn Thị M** là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Nguyễn Đăng C1**, là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông **C1** đã chết để lại, phải trả cho bà **H** số tiền vay 240.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng tạm tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/8/2023 là 4.800.000 đồng. Tòa án thụ lý là vụ án kiện đòi tài sản, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Giữa ông **C1** và bà **L** có văn bản Giấy biên nhận vay tiền đề các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022; ngày 05/11/2022. Nguyên đơn đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, thời hạn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vẫn còn theo quy định.

Vụ án có bị đơn là bà **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Đăng C**, chị **Nguyễn Thị M**, có địa chỉ tại **huyện T, tỉnh Bắc Ninh**; Tòa án xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; do đó căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Thủ tục tố tụng:

Ngày 30/5/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất. Để đảm bảo quyền lợi đương sự, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-DS ngày 30/5/2024 ấn định lịch xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 11/6/2024. Ngày 11/6/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị hoãn phiên tòa Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024 ấn định lịch xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 10/7/2024. Ngày 10/7/2024, tại phiên tòa

nguyên đơn đề nghị Tòa án trung cầu giám định bổ sung nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 ấn định lịch xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 09/8/2024 là đảm bảo tố tụng.

Trong vụ án có bị đơn bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C, chị Nguyễn Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị M1 vắng mặt đã có lời khai, trình bày đầy đủ nội dung, có ý kiến xin vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, anh C, chị M, chị M1 theo quy định pháp luật theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các đương sự cũng không có ý kiến gì về thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nên HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 4.800.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn bà H.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Bà Khương Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đăng C1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C1 đã chết để lại, phải trả cho bà số tiền 240.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng tạm tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/8/2023 là 4.800.000 đồng, bà H cung cấp Giấy biên nhận nợ có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Đăng C1 vào các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022; ngày 05/11/2022:

[2.1]. Xét việc bà Khương Thị H cho ông Nguyễn Đăng C1 vay tổng số tiền 240.000.000 đồng vào các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022; ngày 05/11/2022 theo đó ông C1 có tự ghi giấy biên nhận nợ và ký tên vào Biên nhận này (Bút lục 05). Ngày 01/12/2022 ông C1 chết không để lại di chúc, ngày 17/8/2023, bà H khởi kiện yêu cầu người được hưởng thừa kế toàn bộ tài sản của ông C1 chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông C1 để lại, trả cho bà H số tiền 240.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng tạm tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/8/2023 là 4.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của bà H và ông C1 là hoàn toàn tự nguyện, có biên nhận nợ do chính ông C1 viết và ký tên. Hợp đồng trên được lập thành văn bản, có đầy đủ, đúng chữ ký của các bên, thể hiện sự tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng giữa ông C1 và bà H. Ông C1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 240.000.000 đồng cho bà H.

Về thời hạn trả tiền: Trên giấy biên nhận không thể hiện thời hạn trả tiền, bà H trình bày khi vay ông C1 nói miệng khi nào bà H cần tiền thì bà H báo trước cho ông C1.

[2.2] Bố mẹ ông C1 đều đã chết trước ông C1. Vợ và con ông C1 là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M đều xác định không biết việc ông C1 vay tiền của bà H và không biết chữ viết và chữ ký trong tờ biên nhận nợ có đúng là chữ ký của ông C1 hay không nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệu gồm: Giấy mời thôn Đ, xã Đ ngày 16/6/2022; Hợp đồng thuê ô chợ lập ngày 30/12/2017; Báo cáo số liệu về nhân khẩu thường trú, tạm trú trên địa bàn xã Đ lập ngày 08/9/2021; Hồ sơ thửa đất lập ngày 22/4/2001; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 22/4/2001 đều có chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Đăng C1 để tiến hành giám định. Tại kết luận giám định số 934/KL-KTHS, ngày 05/4/2024, của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên ông Nguyễn Đăng C1 tại biên nhận đề các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022 so với chữ ký và chữ viết tại Giấy mời thôn Đ, xã Đ ngày 16/6/2022; Hợp đồng thuê ô chợ lập ngày 30/12/2017; Báo cáo số liệu về nhân khẩu thường trú, tạm trú trên địa bàn xã Đ lập ngày 08/9/2021; Hồ sơ thửa đất lập ngày 22/4/2001; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 22/4/2001 do cùng một người ký ra. Còn đối với chữ ký, chữ viết đúng tên ông Nguyễn Đăng C1 tại biên nhận đề ngày 05/11/2022 so với chữ ký và chữ viết tại Giấy mời thôn Đ, xã Đ ngày 16/6/2022; Hợp đồng thuê ô chợ lập ngày 30/12/2017; Báo cáo số liệu về nhân khẩu thường trú, tạm trú trên địa bàn xã Đ lập ngày 08/9/2021; Hồ sơ thửa đất lập ngày 22/4/2001; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 22/4/2001 thì không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra. Phía bị đơn không có ý kiến gì kết luận giám định cũng không đề nghị trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của ông C1.

Tại phiên tòa ngày 10/7/2024, bà H đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định bổ sung đối với chữ viết tại phần nội dung trang 62 (phần thể hiện nội dung giấy biên nhận nợ vào các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022; ngày 05/11/2022) trong quyển sổ ghi nợ do bà H xuất trình làm căn cứ khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành tạm ngừng phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định bổ sung theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ bổ sung là Sổ tay đại biểu nhân dân có chữ viết của ông Nguyễn Đăng C1 do UBND xã Đ cung cấp. Tại kết luận giám định số 1826/KL-KTHS, ngày 04/8/2024, của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết tại phần nội dung tại trang 62 trên quyển sổ màu đen, tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ viết của Nguyễn Đăng C1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người viết ra. Điều này chứng tỏ phần Chữ viết tại giấy biên nhận

tiền đề các ngày 28/10/2022; ngày 31/10/2022 so với chữ viết tại Sổ tay đại biểu nhân dân do UBND xã Đ cung cấp là do cùng ông Nguyễn Đăng C1 viết ra. Như vậy có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Đăng C1 đã vay của bà Khương Thị H số nợ nói trên.

[2.3]. Căn cứ Trích lục khai tử số: 335 đăng ký ngày 15/08/2023 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thể hiện ông Nguyễn Đăng C1 đã chết vào ngày 01/12/2022. Quá trình giải quyết vụ án xác định, sau khi ông C1 chết đã để lại di sản thừa kế là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m² tại xóm G, thôn Đ, xã Đ, huyện T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001, trên đất có 01 ngôi nhà 3 tầng và các công trình phụ; được các bị đơn thừa nhận đang quản lý, sử dụng, chưa chuyển nhượng cho ai. Tòa án tiến hành xác minh các tài sản của ông C1 trong hộ gia đình: Đối với đất nông nghiệp đã được thu hồi hết, nay không còn, đất dân cư dịch vụ đã bán năm 2019, nay chưa được chia sổ lô số thửa, còn duy nhất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m² tại xóm G, thôn Đ, xã Đ, huyện T và 01 ngôi nhà 3 tầng, cùng các tài sản gắn liền với đất là tài sản chung mang tên hộ ông C1 gồm có: bà L, anh C, chị M; ngoài ra có sự đóng góp khoảng hơn 100.000.000 đồng xây dựng tài sản ngôi nhà 3 tầng của chị M1, tổng giá trị tài sản nhà và đất, cùng các tài sản gắn liền với đất có trị giá: 4.170.084.000 đồng, theo giá Hội đồng định giá tài sản. Bà L và gia đình lo ma cho ông C1 hết hơn 100.000.000 đồng, sau khi trừ tiền phúng, viếng gia đình còn phải nợ khoảng 30.000.000 đồng, ngoài số tiền trên đến nay bà L, cùng các con chưa phải trả nợ cho ông C1 đồng nào. Hơn nữa tại phiên toà bà H chỉ yêu cầu đồng bị đơn và những người liên quan đến phần tài sản của ông C1 trong phần tài sản liên quan đến thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m² tại xóm G, thôn Đ, xã Đ, huyện T và tài sản gắn liền với thửa đất, còn các tài sản khác như diện tích đất nông nghiệp, diện tích đất được bồi thường khi thu hồi đất, tiền bảo hiểm nhân thọ, các tài sản trong gia đình xe máy, điều hòa.... như bà H trình bày tại đơn khởi kiện thì quá trình giải quyết vụ án bà H không yêu cầu giải quyết.

HĐXX xét thấy, ông C1 chết ngày 01/12/2022 không để lại di chúc, bố mẹ ông C1 đã chết trước ông C1 từ lâu, vợ và các con của ông C1 là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M là hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 là người đang quản lý, sử dụng khối di sản này. Phần di sản ông C1 để lại trong khối tài sản chung chưa chia, kể cả trường hợp trả nợ tiền lo ma, tiền đóng góp của chị M1, vẫn đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền 240.000.000 đồng.

Theo quy định tại điều 615 BLDS năm 2015 quy định: “Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.

Từ những phân tích nhận định nêu trên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận buộc bị đơn bà **L**, anh **C**, chị **M** là những người hưởng di sản của ông **C1**, ông **C1** có tài sản do đó phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 240.000.000 đồng cho bà **H** thay ông **C1**.

Về lãi suất: Bà **H** đã rút yêu cầu, HĐXX đã đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện **VKS nhân dân huyện T** là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký: Bà **H** tự nguyện chịu, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bị đơn bà **L**, anh **C**, chị **M** phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận nguyên đơn bà **H** đã nộp 10.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá; bà **L**, anh **C**, chị **M** phải trả cho bà **H** số tiền là 10.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 244, 262, 264, 266, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 288, 463, 466, 468, 612, 613, 615, 650, 651, 658 BLDS năm 2015;

Căn cứ các Điều 97, 100, 143 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Khương Thị H** về việc yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền lãi 4.800.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Khương Thị H** về việc yêu cầu các bị đơn bà **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Đăng C** và chị **Nguyễn Thị M** phải liên đới thực hiện nghĩa vụ do ông **Nguyễn Đăng C1** chết để lại. Buộc các bị đơn phải thực hiện trả số tiền 240.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế ông **Nguyễn Đăng C1** để lại cho bà **Khương Thị H**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải

chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bị đơn bà **L**, anh **C**, chị **M** phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận nguyên đơn bà **H** đã nộp 10.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá; bà **L**, anh **C**, chị **M** phải trả cho bà **H** số tiền là 10.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị L**, anh **Nguyễn Đăng C** và chị **Nguyễn Thị M** phải chịu 12.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKS huyện Tiên Du;
- THA DS huyện Tiên Du;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tấn Nguyễn Thị Xuyến

Vũ Mạnh